

Số: 16 /2015/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 29 tháng 9 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản thu, nhiệm vụ chi  
và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; số 173/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, tịch thu theo thủ tục hành chính; số 105/2014/TT-BTC ngày 7/8/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 153/2013/TT-BTC Quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính; số 211/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 quy định về tổ chức và thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 143/2010/NQ-HĐND ngày 21/9/2010 về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp chính quyền địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách (từ năm 2011 đến năm 2015); số 07/2012/NQ-HĐND ngày 20/7/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản thu và tỉ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách; số 08/2015/NQ-HĐND ngày 04/8/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách tại Nghị quyết số 143/2010/NQ-HĐND ngày 21/9/2010 của HĐND tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 24/2010/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách; số 15/2012/QĐ-UBND ngày 22/8/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách; số 08/2015/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 về việc điều chỉnh tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách đối với huyện Mỹ Hào;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 253/TTr-STC ngày 19/8/2015,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số khoản thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách tại Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 22/8/2012 và Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 13/3/2015) như sau:

1. Bổ sung nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, thị trấn tại mục III, phần B, Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của UBND tỉnh:

1.1. Chi bảo vệ môi trường

1.2. Chi chuyển nguồn ngân sách xã năm trước sang ngân sách xã năm sau.

2. Sửa đổi, bổ sung phần C, Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của UBND tỉnh:

2.1. Sửa đổi Mục 19. Phạt vi phạm giao thông thành: Thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa:

TT	Các khoản thu	Tổng thu NSNN (%)	Tỷ lệ phân chia nguồn thu			
			NSTW (%)	NST (%)	NSH (%)	NSX (%)
1	Thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	100	70	30		

2.2. Bổ sung tỷ lệ % phân chia nguồn thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giữa các cấp ngân sách:

TT	Các khoản thu	Tổng thu NSNN (%)	Tỷ lệ phân chia nguồn thu			
			NSTW (%)	NST (%)	NSH (%)	NSX (%)
1	Giấy phép do trung ương cấp	100	70	30		
2	Giấy phép do UBND tỉnh cấp	100		60	40	

2.3. Sửa đổi Mục 1. Thuế thu nhập cá nhân

- Sửa tên Mục 1.1- Đối tượng do cấp tỉnh quản lý, thành: Đối tượng do Cục Thuế tỉnh quản lý.

- Sửa tên Mục 1.2 - Đối tượng do cấp huyện quản lý, thành: Đối tượng do Chi cục Thuế các huyện, thành phố quản lý.

2.4. Sửa đổi Mục 2.3- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

- Sửa đổi tên: - Đối tượng do cấp tỉnh quản lý, thành: Đối tượng do Cục Thuế tỉnh quản lý.

- Sửa đổi tên - Đối tượng do cấp huyện quản lý, thành: Đối tượng do Chi cục Thuế các huyện, thành phố quản lý.

#### 2.5. Sửa đổi Mục 3.2 – Doanh nghiệp ngoài quốc doanh

- Sửa đổi tên: - Đối tượng do cấp tỉnh quản lý, thành: Đối tượng do Cục Thuế tỉnh quản lý.

- Sửa đổi tên - Đối tượng do cấp huyện quản lý, thành: Đối tượng do Chi cục Thuế các huyện, thành phố quản lý.

#### 2.6. Sửa đổi, bổ sung Mục 5 – Thu tiền sử dụng đất

- Bổ sung Mục 5.1: Đối với các dự án đô thị, dự án BT, BOT, dự án khu dân cư mới có quy mô từ 10 ha trở lên.

- Sửa Mục 5.1 thành 5.2

- Sửa Mục 5.2 thành 5.3

- Sửa Mục 5.3 thành 5.4

- Sửa Mục 5.4 thành 5.5

- Sửa Mục 5.5 thành 5.6

Chi tiết như sau:

TT	Các khoản thu	Tổng thu NSNN (%)	Tỷ lệ phân chia nguồn thu			
			NSTW (%)	NST (%)	NSH (%)	NSX (%)
5.1	Đối với các dự án đô thị, dự án BT, BOT, dự án khu dân cư mới có quy mô từ 10 ha trở lên (Trường hợp số được điều tiết vượt quá mức tuyệt đối, phần vượt được điều tiết về ngân sách tỉnh)	100		30	40 (Mức tuyệt đối khi điều tiết không quá 150 tỷ đồng)	30 (Mức tuyệt đối khi điều tiết không quá 20 tỷ đồng)
5.2	Quỹ đất tạo vốn xây dựng CSHT; ghi thu, ghi chi các khoản chi phí. Đối trừ từ tiền sử dụng đất trước khi đấu giá, cấp nào thực hiện điều tiết cấp đó 100%	100				
5.3	Trên địa bàn thành phố Hưng Yên	100		30	70	
5.4	Trên địa bàn các huyện còn lại (không kể thị trấn)	100		30	10	60
	( Riêng các xã Nhân Hòa, Phùng Chí Kiên, Dị Sử, Bạch Sam, Minh Đức, thị trấn Bản Yên Nhân, huyện Mỹ Hào)	100		30	50	20

5.5	Trên địa bàn thị trấn (không kể thị trấn Bản Yên Nhân)	100		30	40	30
5.6	Đất dôi dư, xen kẹt					
	- Trên địa bàn huyện	100				100
	- Trên địa bàn Thành phố Hưng Yên					
	+ Xã	100				100
	+ Phường	100			100	

2.7. Sửa đổi tỷ lệ điều tiết các cấp ngân sách khoản thu số 15- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước không xác định địa giới hành chính (nằm trong khu công nghiệp,...) thành: Ngân sách tỉnh 90%, ngân sách huyện 0%, ngân sách xã, phường, thị trấn 10%.

**Điều 2.** Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu trên có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016 và được ổn định đến hết năm 2016. Riêng Mục 2.2, Khoản 2, Điều 1 nêu trên có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 và được ổn định đến hết năm 2016.

Các nội dung khác tại Quyết định của UBND tỉnh: Số 24/2010/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; số 15/2012/QĐ-UBND ngày 22/8/2012 và số 08/2015/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 giữ nguyên và được thực hiện trong năm 2016.

**Điều 3.** Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Hải quan tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Chủ tịch Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Ban và VP Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; CV: TH<sup>C</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**CHỦ TỊCH**



**Doãn Thế Cường**